

Bản án số: 79/2025/DS-PT
Ngày 06-6-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng.

Các Thẩm phán: Ông Dương Hà Ngân và ông Nguyễn Thế Hạnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Huệ, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hằng – Kiểm sát viên; *Vắng mặt.*

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2025/TLPT-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2025/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 47/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 93/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Trọng T; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt.*

- **Bị đơn:** Ông Ma Văn H (*Có mặt*) và bà Trần Thị T1 (*Có văn bản ủy quyền cho ông H tham gia phiên tòa*); cùng địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị H1; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt.*

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05-10-2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T trình bày:

Vào ngày 09/6/2022 vợ chồng ông Ma Văn H và bà Trần Thị T1 có vay của vợ chồng ông số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng; có viết giấy nhận nợ trước vào ngày 03/6/2022, nhưng đến ngày 09/6/2022 mới chuyển khoản cho ông H, hai bên thoả thuận đến ngày 03/11/2022 sẽ trả số tiền trên. Đến hạn là ngày 04/11/2022 vợ chồng ông H, bà T1 không trả tiền cho vợ chồng ông nên vợ chồng ông có tính lãi là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và viết lại giấy vay tiền ngày 04/11/2022 số tiền là 2,250.000.000đ (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng), trong đó: 2.000.000.000đ tiền gốc và 250.000.000đ tiền lãi tính từ ngày 09/6/2022 đến ngày 04/11/2022, lãi suất vẫn theo thỏa thuận ban đầu là 2,5%/tháng. Đến nay số tiền nợ cả gốc và lãi là: 3.853.125.000 đồng bao gồm: tiền gốc là 2.250.000.000 đồng; và tiền lãi là 1.603.125.000 đồng (lãi suất tính đến ngày 25/3/2025). Ông bà đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông H, bà T1 vẫn chưa trả được đồng nào. Đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông H, bà T1 trả lại cho vợ chồng ông bà tổng số tiền 3.853.125.000 đồng bao gồm: tiền gốc là 2.250.000.000 đồng; tiền lãi là 1.603.125.000 đồng trên cơ sở tính lãi 2,5 %/tổng số nợ 2.250.000.000đ từ ngày 04/11/2022 đến ngày 25/3/2022.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ma Văn H và bà Trần Thị T1 trình bày:

Vợ chồng ông bà xác nhận vào ngày 09/6/2022 vợ chồng ông bà có vay và nợ số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) tiền gốc của vợ chồng ông T. Ngày 03/6/2022 có viết trước giấy vay nợ 2.000.000.000 đồng nhưng đến ngày 09/6/2022 ông T mới chuyển vào tài khoản của ông 2.000.000.000 đồng; hai bên thoả thuận thời hạn thanh toán vào ngày 03/11/2022 với lãi suất là 2,5%/ 01 tháng. Ngày 03/11/2022, vợ chồng ông không trả được số tiền nợ gốc trên và lãi trên. Ngày 04/11/2022 vợ chồng ông T đến nhà ông và chốt số lãi là 350.000.000 đồng; ông đã trả được 100.000.000 đồng tiền lãi còn lại 250.000.000 đồng tiền lãi chưa trả, hai bên thống nhất viết lại giấy vay tiền đề ngày 04/11/2022 với số tiền là 2.250.000.000đ (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng). trong đó: 2.000.000.000 đồng tiền gốc đã vay vào ngày 09/6/2022 và 250.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 09/6/2022 đến ngày 03/11/2022; hai bên thoả thuận lãi suất vẫn theo thỏa thuận ban đầu là 2,5%/tháng, hạn đến ngày 04/10/2024 sẽ trả tiền cho vợ chồng ông T. Tại phiên tòa hôm nay ông thừa nhận ông T, bà H1 tính 250.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 09/6/2022 đến ngày 03/11/2022 (05 tháng mỗi tháng 50.000.000 đồng) là đúng. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên đến ngày hạn trả tiền là ngày 04/10/2024,

vợ chồng ông không trả được tiền cho vợ chồng ông T. Tại phiên tòa ông H và bà T1 thừa nhận sẽ trả số tiền gốc là 2.000.000.000đ cho ông T, bà H1, ông bà cho rằng lãi theo thỏa thuận 2,5%/ 01 tháng là quá cao. Vì vậy, ông bà chỉ đồng ý trả dần cho vợ chồng ông T 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) tiền gốc và số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền lãi 250.000.000đ cộng dồn với gốc 2.000.000.000đ vào ngày 04/11/2022 và số tiền lãi từ ngày 04/11/2022 đến nay ông bà yêu cầu Tòa án tính lại theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Trọng T và không có ý kiến gì thêm.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2025/DS-ST ngày 25-3-2025 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 184; Điều 271; Điều 273; Điều 217 và Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T. Buộc ông Ma Văn H, bà Trần Thị T1 phải trả cho ông Nguyễn Trọng T2, bà Nguyễn Thị H1 số tiền là 3.206.266.000đ (Ba tỷ hai trăm lẻ sáu triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) trong đó gồm: Tiền gốc là 2.000.000.000đ; lãi trong hạn là: 924.066.000đ; lãi quá hạn là 282.200.000đ; lãi suất tính đến ngày 25/3/2025.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trọng T buộc ông Ma Văn H, bà Trần Thị T1 phải trả số tiền lãi 646.859.000đ (Sáu trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm năm mươi chín nghìn đồng) vượt quá quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09-4-2025, nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau: Ông Ma Văn H và bà Trần Thị T1 chấp nhận trả nợ cho ông Nguyễn Trọng T và bà Nguyễn Thị H1 tổng số tiền 3.235.266.000 đồng (ba tỷ hai trăm ba mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) và tiền lãi là 1.235.266.000

đồng (*một tỷ hai trăm ba mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Trọng T nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định.

[2]. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ma Văn H và bà Trần Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo nội dung thỏa thuận về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm. Ông Nguyễn Trọng T phải chịu án phí sơ thẩm theo Bản án dân sự sơ thẩm đã tuyên.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên ông Nguyễn Trọng T là người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2025/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau: Ông Ma Văn H và bà Trần Thị T1 chấp nhận trả nợ cho ông Nguyễn Trọng T và bà Nguyễn Thị H1 tổng số tiền 3.235.266.000 đồng (*ba tỷ hai trăm ba mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*), trong đó tiền gốc là 2.000.000.000 đồng (*hai tỷ đồng*) và tiền lãi là 1.235.266.000 đồng (*một tỷ hai trăm ba mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ma Văn H và bà Trần Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo nội dung thỏa thuận về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm là 96.705.320 đồng (*chín mươi sáu triệu bảy trăm lẻ năm nghìn ba trăm hai mươi đồng*).

Ông Nguyễn Trọng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Bản án dân sự sơ thẩm đã tuyên là 29.874.000 đồng (*hai mươi chín triệu tám trăm bảy mươi tư nghìn đồng*), được trừ vào số tiền 51.437.500 đồng (*năm mươi một triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008897 ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông. Trả lại cho ông Nguyễn Trọng T số tiền 21.563.500 đồng (*hai mươi một triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008897 ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Trọng T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009307 ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Tuy Đức;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Ứng

